TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH THỪA THIÊN H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 152/2023/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 24 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H - TỈNH THỪA THIÊN H

Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 7, xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên H; nơi tạm trú: Lô C4 khu quy hoạch T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

2. Chị Trần Thị Thanh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 19 kiệt 67 đường N, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên H vào ngày 11/5/2015. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận đây là hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà riêng ở thôn V, xã T, thị xã H (nay là phường T, thành phố H), tỉnh Thừa Thiên H. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 01 năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, nên cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng mà không có hướng khắc phục. Nay anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên cùng gửi đơn đến yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh, chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị.

[2] Về con chung: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H xác nhận vợ chồng có

01 con chung là cháu Lê Trần Thanh B, sinh ngày 23/02/2016. Hiện nay cháu Lê Trần Thanh B đang ở với chị Trần Thị Thanh H và có nguyện vọng được tiếp tục ở với mẹ. Nay thuận tình ly hôn anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H thỏa thuận giao cháu Lê Trần Thanh B cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu cháu Lê Trần Thanh B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn là cháu Lê Trần Thanh B, sinh ngày 23/02/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu Lê Trần Thanh B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng tiền nuôi con chung sau khi ly hôn, nên cần áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh, chị.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Lê Văn T, chị Trần Thị Thanh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005590 ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 16 tháng 3 năm 2023, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H.

- Về con chung: Giao cháu Lê Trần Thanh B, sinh ngày 23/02/2016 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Lê Trần Thanh B trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh Lê Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền

nuôi con chung sau khi ly hôn là cháu Lê Trần Thanh B, sinh ngày 23/02/2016 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ tháng 04/2023 cho đến khi cháu Lê Trần Thanh B trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền, hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn: Anh Lê Văn T, chị Trần Thị Thanh H mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005590 ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên H. Anh Lê Văn T và chị Trần Thị Thanh H đã nộp đủ lệ phí, nay không phải nộp.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên H;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố H;
- Chi cục THADS thành phố H;
- UBND xã Đ, huyện P, tỉnh Thừa Thiên H (Anh T, chị H ĐKKH số: 32, quyển số 01/2015 ngày 11/5/2015);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Huỳnh Trọng Cẩn